TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 16-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải;

2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không có; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; văn hoá: Không đi học; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn K và bà Chu Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 34/2014/HSST ngày 18/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện L áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án (18/4/2014). Ngoài ra, bản án còn buộc T phải chịu 395.000 tiền án phí HSST, DSST và buộc T do ông Nguyễn Văn K giám hộ phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương Thùy số tiền 3.900.000 đồng. Ngày 23/7/2014, T đã chấp hành xong khoản án phí HSST và DSST nêu trên. T đã bồi thường cho chị Thùy số tiền 3.900.000 đồng vào ngày 18/4/2014.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 14/6/2016 đến ngày 23/6/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Mẫu Sơn, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Chu Thị H, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/6/2016, Nguyễn Văn T một mình đi bộ từ nhà xuống nhà Q - Mạnh ở dốc Mẫu Sơn, xã C, huyện L để bán gà. Khi đến nhà Q - Mạnh, do không có ai ở nhà nên T quay về. Trên đường về theo đường Quốc lộ 31, khi gần đến ngã ba đường rẽ vào UBND xã C thì T thấy bên phía tay trái đường theo hướng L đi Bắc Giang, cách ngã ba đường rẽ vào UBND xã C khoảng hơn 100m có cửa hàng bán chăn ga, gối đệm của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 ở thôn Mẫu Sơn, xã C, huyện L đang mở cửa, không có ai ở trong nhà. Do trước đây T đã từng đến nhà chị M để mua màn nên T biết chị M hiện đang sống một mình, nhà chị M có 01 cửa hậu thông ra vườn phía sau (BL: 181-182). Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị M. T đi vòng ra phía nhà chị M nơi giáp với cánh đồng thôn Mẫu Sơn, thấy cửa hậu nhà chị M đang mở. T lẻn vào nhà chị M bằng cửa hậu rồi quan sát thấy phòng ngủ của chị M có 01 tủ đựng quần áo bằng nhựa màu H kê sát tường, cửa tủ đóng và khóa bằng khóa kim loại, T giật mạnh làm cửa tủ bật ra thì thấy bên trong ngăn kéo tủ phía trên cùng có 01 chiếc ví màu tím, T lấy chiếc ví rồi chạy ra cánh đồng phía sau nhà chị M. Tại đây T mở ví ra kiểm tra thì thấy bên trong có 14.000.000 đồng tiền mặt (gồm 28 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 tờ tiền Đài Loan mệnh giá 100 TWD và nhiều giấy tờ tùy thân khác gồm: 01 giấy nộp tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 01 giấy bán xe máy, 02 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe máy đều mang tên Nguyễn Thị M; 01 đăng ký xe máy và 01 bảo hiểm tự nguyện xe máy mang tên Lý Văn Hoàng. T lấy tiền và các giấy tờ trong ví, còn chiếc ví T vứt lại ở bờ ruộng, sau đó T đi tắt qua cánh đồng về nhà. Khi về đến nhà, do không thấy ai ở trong nhà nên T đã giấu các giấy tờ cá nhân của chị M trên tường nhà và giấu tiền ở đầu giường ngủ. Sau đó T cầm một nửa số tiền trộm cắp được đi xe ôm lên khu vực ngã tư Thân, thị trấn Đồi Ngô, huyện L bán tờ tiền mệnh giá 100 TWD và mua 01 điện thoại Samsung; 01 bộ sạc dự phòng; thẻ nhớ điện thoại; sim điện thoại, ốp lưng điện thoại, miếng dán màn hình điện thoại mang về sử dụng. Đến sáng ngày 14/6/2016, T tiếp tục cầm số tiền trộm cắp được giấu ở đầu giường đến cửa

hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986 trú tại thôn H, xã C, huyện L để mua 01 chiếc điện thoại Iphone 5 và chi tiêu cá nhân hết tổng số tiền là 9.470.000 đồng.

Buổi chiều cùng ngày 14/6/2016, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Văn T đã quay lại bờ ruộng nơi đã vứt chiếc ví của chị M thì thấy chiếc ví vẫn ở vị trí cũ, T đã nhặt chiếc ví rồi đến Công an xã C đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời tự nguyện giao nộp cho Công an xã C số tiền 4.530.000 đồng trộm cắp được của chị M còn lại chưa tiêu hết; 01 ví màu tím; 01 giấy nộp tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 01 giấy bán xe máy, 02 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe máy đều mang tên Nguyễn Thị M; 01 đăng ký xe máy và 01 bảo hiểm tự nguyện xe máy mang tên Lý Văn Hoàng; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Iphone 5; 01 bộ sạc dự phòng.

Ngày 13/6/2016, sau khi phát hiện tài sản của mình bị kẻ gian trộm cắp chị Nguyễn Thị M đã làm đơn trình báo Công an huyện L đề nghị giải quyết.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với tài sản là tờ tiền Đài Loan mệnh giá 100 TWD và 01 ví da màu tím, trên mặt ví có dòng chữ CHARLES & KEITH. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 100 TWD có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 68.000 đồng; 01 ví da màu tím, trên mặt ví có dòng chữ CHARLES & KEITH có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 100.000 đồng.

Quá trình điều tra, do Nguyễn Văn T có dấu hiệu hạn chế nhận thức, làm chủ hành vi nên ngày 28/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương để giám định pháp y tâm thần đối với T.

Tại bản Kết luận pháp y tâm thần số 357/KLGĐ ngày 08/10/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương - Bộ y tế kết luận:

- Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Văn T bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70.

- Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 29/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị M như cáo trạng nêu là hoàn toàn đúng.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo là ông K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H khai: Bị cáo T có hành vi trộm cắp tài sản của chị M là

đúng. Gia đình đã bồi thường cho chị M tổng số tiền 14.000.000 đồng nhưng không yêu cầu bị cáo phải trả tiền cho ông, bà.

Đại diện VKSND huyện L, thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b,n,p khoản 1, 2 Điều 46 Điều 60 của BLHS năm 1999.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo từ 09 -12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18-24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn K là bố đẻ và là người giám hộ cho Nguyễn Văn T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 14.000.000 đồng, chị M không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, vật chứng của vụ án và kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn T là đối tượng bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ (bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi). Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/6/2016, lợi dụng sơ hở T đã lẻn vào nhà chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 ở thôn Mẫu Sơn, xã C, huyện L trộm cắp của chị My 01 ví da màu tím, trên mặt ví có dòng chữ CHARLES & KEITH có trị giá 100.000 đồng; bên trong ví có một số giấy tờ tùy thân của chị M, 14.000.000 đồng (Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và 01 tờ tiền Đài Loan mệnh giá 100 TWD có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 68.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của chị Nguyễn Thị M là 14.168.000 đồng.

[3] Do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo thực hiện ngày 13/6/2016 nên áp dụng luật hình sự năm 1999 để giải quyết. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm

1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra truy tố xét xử luôn khai báo thành khẩn, ăn năm hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; đã cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi sự việc xảy ra bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, n, p khoản 1,2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Năm 2014 bị cáo bị đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã chấp hành xong tất cả các quyết định của bản án và đã được xóa án tích nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Khi phạm tội bị cáo là nhận thức pháp luật hạn chế nên không nhận thức được đầy đủ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do mình gây ra. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú ổn định, cụ thể rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1,2 Điều 46 của BLHS năm 1999 nên cho bị cáo hưởng lượng khoan H của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng do bị cáo không có việc làm, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn K là bố đẻ và là người giám hộ cho bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 14.000.000 đồng, chị M không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Nguyễn Thị M 01 ví da màu tím; 01 giấy nộp tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, 01 giấy bán xe máy, 02 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe máy đều mang tên Nguyễn Thị M; 01 đăng ký xe máy và 01 bảo hiểm tự nguyện xe máy mang tên Lý Văn Hoàng và trả cho ông Nguyễn Văn K (bố đẻ của T) là người giám hộ cho Nguyễn Văn T số tiền 4.530.000 đồng; 01 điện thoại Samsung; 01 điện thoại Iphone 5; 01 bộ sạc dự phòng nên không đặt ra xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, n, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 60 của BLHS năm 1999. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Nguyễn Văn T 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Minh Hải **Nguyễn Hữu Thái** **Tạ Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS, CA, THA huyện L;
- Bị cáo, các đương sự;
- UBND xã C, L.
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**